Người ký: Ban Tuyên giáo
Email: btghulamha@lamdong.gov.vn
Cơ quan: Huyện ủy Lâm Hà, Tỉnh ủy Lâm Đồng
Thời gian ký: 02.06.2022 10:34:37 +07:00

HUYỆN UỶ LÂM HÀ **BAN TUYÊN GIÁO** * Số 56 -HD/BTGHU	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** *Lâm Hà, ngày 01 tháng 6 năm 2022*

HƯỚNG DẪN
Công tác tuyên truyền tháng 6 năm 2022

Thực hiện Hướng dẫn số 84-HD/BTGTU ngày 31/4/2022 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về *"Công tác tuyên truyền tháng 6 năm 2022"*, Ban Tuyên giáo Huyện uỷ hướng dẫn nội dung tuyên truyền như sau:

1. Tuyên truyền và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ nhân sự kiện các ngày lễ, kỷ niệm lớn của đất nước, địa phương trong tháng: Ngày Quốc tế thiếu nhi (01/6), 111 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước (5/6/2011 - 5/6/2021), Ngày môi trường Quốc tế (5/6), kỷ niệm 81 năm Ngày truyền thống người cao tuổi Việt Nam (06/6/1941 - 06/6/2022), Ngày chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi thi đua ái quốc (11/6), Ngày báo chí các mạng Việt Nam (21/6), Ngày toàn dân phòng chống ma túy (26/6), Ngày gia đình Việt Nam (28/6).

2. Tuyên truyền kết quả phát triển kinh tế - xã hội tháng 5/2022, các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị tháng 6 năm 2022.

3. Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng việc thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW, ngày 15/5/2016; Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 25-KH/HU, ngày 5/8/9/2021 của Ban thường vụ Huyện ủy; Kế hoạch số 32-KH/HU, ngày 10/9/2021 Ban thường vụ Huyện ủy về thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XII) đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Kế hoạch số 45-KH/HU, này 8/3/2022 của Ban thường vụ Huyện ủy về học tập chuyên đề của tỉnh năm 2022: *"Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về đẩy mạnh đổi mới sáng tạo; thực hiện trách nhiệm nêu gương; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, khát vọng xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đưa Lâm Đồng phát triển nhanh, toàn diện và bền vững"*. Tuyên truyền biểu dương gương điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

4. Tuyên truyền kết quả Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII; diễn biến kết quả kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XV.

5. Tuyên truyền công tác chuẩn bị kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022, tuyển sinh năm học 2022 – 2023; công tác phòng chống tai nạn đuối nước cho học sinh, trẻ em trong thời gian nghỉ hè trên địa bàn huyện; công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện.

6. Tiếp tục tuyên truyền công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Tập trung tuyên truyền việc đề cao cảnh giác của các cấp, các ngành, các tầng lấp nhân dân, tuyệt đối không lơ là, chủ quan. Thực hiện thích ứng, linh hoạt theo nghị quyết 128-

NQ/CP của Chính phủ; tuyên truyền tạo đồng thuận trong nhân dân về việc tiêm vaccin cho trẻ từ 5-12 tuổi và tiêm vaccin đợt 4.

7. Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng, nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức Đảng trong công tác chỉ đạo phát triển người tham gia BHYT năm 2022, đạt và vượt chỉ tiêu so với kế hoạch đề ra (tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt trên 92% dân số). Tập trung vận động hộ gia đình tham gia BHYT, đảm bảo 100% số hộ gia đình đã được UBND huyện phê duyệt là hộ nông, lâm có mức sống trung bình tham gia BHYT.

8. Tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác thông tin đối ngoại. Tăng cường tuyên truyền biển, đảo: nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong việc chấp hành pháp luật Nhà nước liên quan đến biển, đảo; thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về "*Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*".

9. Tiếp tục tuyên truyền, quán triệt và triển khai thực hiện Quyết định 238-QĐ/TW, ngày 30/9/2020 của Ban Bí thư ban hành Quy chế phối hợp giữa ban tuyên giáo các cấp với cơ quan nhà nước cùng cấp trong việc thực thi pháp luật, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề nổi cộm, Nhân dân quan tâm.

10. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên về công tác đào tạo, bồi dưỡng và học tập, nghiên cứu lý luận chính trị, nghị quyết của Đảng theo tinh thần Chỉ thị số 17-CT/TU, ngày 22/02/2022 về "*Đẩy mạnh đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng và học tập, nghiên cứu lý luận chính trị, nghị quyết của Đảng*".

11. Tuyên truyền, quán triệt Quy định số 205-QĐ/TW, ngày 23/9/2019 của Bộ Chính trị về việc kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền và Kế hoạch số 30-KH/TU, ngày 22/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng, sự cần thiết phải kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền.

12. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật, thống nhất nhận thức và nâng cao trách nhiệm của cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, các tầng lớp Nhân dân về tầm quan trọng của tài nguyên địa chất, khoáng sản, về vai trò, vị trí của Ngành Địa chất và công nghiệp khai khoáng theo tinh thần Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

13. Tuyên truyền về kết quả các chỉ số của tỉnh đã đạt được năm 2021, cụ thể:

- Chỉ số PAPI của Lâm Đồng đứng thứ 18 với 43,539 điểm, tăng 45 bậc so với năm 2020. Chỉ số PCI: Lâm Đồng vượt lên vị trí thứ 15, tăng 8 bậc (từ vị trí 23 trong bảng xếp hạng năm 2020), với điểm trung bình là 67,17.

- Tuyên truyền về những nỗ lực, giải pháp của lãnh đạo tỉnh, các cấp, ngành trong việc cải thiện Chỉ số PAPI và Chỉ số PCI như: cải cách hành chính; tăng cường sự công khai, minh bạch trong việc ra quyết định; nâng cao chất lượng các dịch vụ công …

- Phổ biến những quy định chung về Chỉ số PAPI và Chỉ số PCI; ý nghĩa, tầm quan trọng của Chỉ số PAPI và Chỉ số PCI đối với sự phát triển bền vững của tỉnh. Tuyên truyền về công tác cải cách hành chính và nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; việc thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; việc thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC); công tác tiếp dân, công tác đối thoại giữa chính quyền các cấp với người dân và doanh nghiệp; công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo...

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về các quy định pháp luật, các chính sách xã hội; quyền lợi và nghĩa vụ trong việc tham gia vào đời sống chính trị tại cơ sở, cùng tham gia vào phòng, chống tham nhũng trong các cơ quan hành chính nhà nước và thực hiện tốt chủ trương "Dân biết, dân bàn, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" đối với các vấn đề về phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng.

- Thường xuyên phản ánh tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chỉ số PAPI và chỉ số PCI tại các địa phương và trên địa bàn tỉnh; việc thực hiện quy định về công khai, minh bạch của cơ quan, đơn vị, chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh đối với các thông tin, tài liệu: Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; dự án, công trình đầu tư; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; khung giá đền bù, về thu, chi ngân sách địa phương; các nội dung về chế độ, chính sách của người dân.

14. Tuyên truyền, vận động, phát động toàn dân trồng hoa, cây xanh làm đẹp nơi ở, làm đẹp các tuyến đường, khu dân cư, thôn xóm trên địa bàn nhằm nâng cao mỹ quan, góp phần chào mừng Festival Hoa Đà Lạt lần thứ IX - năm 2022.

16. Tuyên truyền các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/5/2020 về việc tăng cường các giải pháp đảm bảo thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em; Chỉ thị số 17/CT-TTg, ngày 16/5/2020 về việc tăng cường chỉ đạo, thực hiện phòng, chống tai nạn thương tích và đuối nước cho học sinh, trẻ em; các Kế hoạch của Uỷ ban nhân dân tỉnh: Kế hoạch số 7849/KH-UBND, ngày 03/11/2021

thực hiện Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch số 9577/KH-UBND, ngày 30/12/2021 về triển khai Chương trình bơi an toàn, phòng, chống đuối nước trẻ em giai đoạn 2022-2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Trên đây là hướng dẫn tuyên truyền tháng 6 năm 2022 của Ban Tuyên giáo Huyện ủy đề nghị các TCCS đảng, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện, Phòng Văn hoá huyện, Trung Tâm văn hóa thông tin và Thể thao huyện, Ban Tuyên giáo các xã, thị trấn triển khai thực hiện.

Tài liệu gửi kèm:

- Đề cương tuyên truyền kỷ niệm 110 năm ngày sinh đồng chí Phạm Hùng (11/6/1912 – 11/6/2022).

- Tài liệu học tập những nội dung chính Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tài liệu học tập những nội dung chính Nghị quyết số 6-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Văn Tình

Nơi nhận:
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy,
- Thường trực Huyện uỷ,
- Các TCCS đảng trực thuộc,
- MTTQ và các đoàn thể huyện,
- Phòng Văn hóa, TTVHTT &TT huyện,
- Ban Tuyên giáo các xã, thị trấn,
- Trang thông tin Đảng bộ huyện,
- Lưu VP, BTG Huyện ủy.

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN KỶ NIỆM 110 NĂM NGÀY SINH ĐỒNG CHÍ PHẠM HÙNG (11/6/1912-11/6/2022)

I. Khái lược tiểu sử và quá trình hoạt động cách mạng của đồng chí Phạm Hùng

Đồng chí Phạm Hùng tên khai sinh là Phạm Văn Thiện, sinh ngày 11 tháng 6 năm 1912, trong một gia đình nông dân có truyền thống yêu nước cách mạng tại ấp Long Thiềng, làng Long Hồ, tổng Long Bình, huyện Vĩnh Bình, tỉnh Vĩnh Long, nay thuộc ấp Long Thuận A, xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Đồng chí tham gia hoạt động cách mạng từ rất sớm, khi còn là học sinh. Năm 1930, Đồng chí được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, làm Bí thư chi bộ trường học và hoạt động qua các cấp chi ủy xã, huyện ủy, tỉnh ủy Mỹ Tho. Tháng 6/1931, Đồng chí bị thực dân Pháp bắt, kết án 3 năm tù, 3 năm quản thúc. Trong lao tù, Đồng chí tiếp tục tổ chức cho tù nhân đấu tranh chống chế độ thực dân, phong kiến. Ngày 20/9/1932, thực dân Pháp mở phiên tòa đại hình tại tỉnh Mỹ Tho, kết án tử hình Đồng chí và đưa về giam ở xà lim án chém Khám Lớn Sài Gòn. Trước cuộc đấu tranh mãnh liệt của Nhân dân ta và nhân dân Pháp, Đảng Cộng sản Pháp và Quốc tế Cộng sản, thực dân Pháp buộc phải giảm án tử hình cho một số chiến sĩ cộng sản ở Việt Nam, đồng chí Phạm Hùng được giảm xuống án khổ sai chung thân và đày đi Côn Đảo từ ngày 17/1/1934.

Trong năm 1934, Đồng chí được bổ sung vào chi uỷ nhà tù Côn Đảo sau đó được cử làm Bí thư Đảo uỷ. Cách mạng tháng Tám nổ ra, Đồng chí đã lãnh đạo anh em tù nhân chớp thời cơ giải phóng nhà tù Côn Đảo lần thứ nhất (1945).

Tháng 9/1945, đồng chí Phạm Hùng từ Côn Đảo trở về đất liền, hoạt động cách mạng ở Sóc Trăng; tháng 10/1945, được bầu vào Xứ uỷ Nam bộ, phụ trách Giám đốc Quốc gia Tự vệ cuộc; năm 1947, được cử làm Phó Giám đốc Sở Công an Nam bộ. Năm 1948, Đồng chí được cử làm Trưởng đoàn đại biểu Đảng bộ Nam bộ ra Việt Bắc.

Tháng 6/1950, đồng chí Phạm Hùng trở lại miền Nam và được Xứ uỷ cử phụ trách Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn; tháng 2/1951, được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng; tháng 3/1952, được cử làm Phó Bí thư Trung ương Cục, Bí thư Phân liên khu uỷ miền Đông kiêm Chủ tịch Uỷ ban kháng chiến hành chính Phân liên khu miền Đông Nam bộ.

Năm 1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ về Việt Nam được ký kết, Đồng chí được cử làm Trưởng đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam trong Ban Liên hiệp đình chiến Nam bộ; năm 1955, được cử làm Trưởng phái đoàn đại diện Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam bên cạnh Ủy ban kiểm soát quốc tế tại Sài Gòn.

Tháng 6/1956, Đồng chí được cử làm Bộ trưởng Phủ Thủ tướng; tại Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá II, được bầu làm Uỷ viên Bộ Chính trị; năm 1957, được cử làm Trưởng ban Thống nhất của Trung ương.

Tháng 4/1958, tại Kỳ họp thứ tám, Quốc hội khoá I, Đồng chí được bầu làm Phó Thủ tướng Chính phủ, phụ trách về kinh tế; tháng 7/1960, tại Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khoá II, tiếp tục được bầu làm Phó Thủ tướng Chính phủ.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960), Đồng chí được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư; tại Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khoá III (6/1964), tiếp tục được bầu làm Phó Thủ tướng Chính phủ, phụ trách kinh tế, tài chính, ngân hàng, nội thương, ngoại thương.

Từ năm 1967 đến năm 1975, Đồng chí được cử làm Bí thư Trung ương Cục miền Nam và Chính ủy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam, trực tiếp vào chiến trường chỉ đạo cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược. Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, Đồng chí được giao trọng trách thay mặt Đảng, Chính phủ lãnh đạo, điều hành các công việc của Đảng và Nhà nước ở miền Nam.

Tại Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội của nước Việt Nam thống nhất, khoá VI (6/1976), Đồng chí được bầu làm Phó Thủ tướng Chính phủ; tháng 12/1976, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, tiếp tục được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị; năm 1980, được giao trọng trách Phó Thủ tướng phụ trách nội chính, kiêm Bộ trưởng Nội vụ (nay là Bộ Công an); tại Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khoá VII (7/1981), tiếp tục được bầu làm Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, kiêm Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12/1986), Đồng chí được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị; tại Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khoá VIII (6/1987), được bầu làm Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng của Quốc hội, Uỷ viên Thường vụ Đảng uỷ Quân sự Trung ương.

Đồng chí là đại biểu Quốc hội các khóa II, III, VI, VII và khóa VIII.

Ngày 10/3/1988, đồng chí đột ngột từ trần trên đường đi công tác ở các tỉnh Nam bộ, để lại niềm tiếc thương, xúc động cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân.

Với 58 tuổi Đảng, 60 năm hoạt động cách mạng phong phú và hào hùng, đồng chí Phạm Hùng đã nêu một tấm gương mẫu mực về sự kiên trung, bất khuất, suốt đời phấn đấu, hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của Nhân dân. Đảng và Nhà nước ta đã tặng đồng chí Huân chương Sao vàng, Huy hiệu 50 tuổi Đảng và nhiều phần thưởng cao quý khác.

II. Những cống hiến quan trọng của đồng chí Phạm Hùng đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc

1. Đồng chí Phạm Hùng - Một cán bộ tiền bối tiêu biểu của Đảng, người chiến sĩ cộng sản kiên trung, bất khuất

Đồng chí Phạm Hùng sinh ra ở một vùng đất Nam bộ giàu truyền thống yêu nước, căm thù giặc sâu sắc. Đồng chí tham gia hoạt động cách mạng trong tổ chức Việt Nam Thanh niên Cách mạng tại Mỹ Tho khi 16 tuổi; vinh dự được kết nạp vào Đảng, làm Bí thư chi bộ trường học khi 18 tuổi; được Đảng phân công làm Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho khi 19 tuổi. Khi đang tích cực lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống thực dân Pháp và chế độ phong kiến, ngày 2/6/1931, Đồng chí bị thực dân Pháp bắt tại Mỹ Tho. Kẻ thù đã dùng mọi thủ đoạn thâm độc, mọi cực hình để tra tấn nhưng không khuất phục được ý chí cách mạng của Đồng chí, sau hơn 7 tháng giam cầm, đầu năm 1932, chúng đưa Đồng chí ra tòa Đề hình ở Sài Gòn xét xử. Mặc dù không có chứng cớ gì, nhưng toà án thực dân vẫn khép Đồng chí 3 năm tù, 3 năm quản thúc và đưa về Mỹ Tho giam giữ.

Trong lao tù, Đồng chí tiếp tục lãnh đạo anh em tù nhân đấu tranh đòi cải thiện chế độ nhà tù, xây dựng đường dây liên lạc với bên ngoài để tiếp tục chỉ đạo phong trào đấu tranh của quần chúng chống chế độ thực dân và bọn phong kiến tay sai. Thực dân Pháp đã đàn áp dã man cuộc đấu tranh của tù nhân, đồng chí Phạm Hùng bị địch tống biệt giam vào xà lim. Ngày 20/9/1932, tại Mỹ Tho, thực dân Pháp đã mở phiên toà Đại hình xét xử những người chống lại "an ninh công cộng", Đồng chí bị kết án tử hình và đưa về giam ở xà lim án chém Khám Lớn Sài Gòn.

Trong xà lim án chém, Đồng chí đã cảm hoá một số tù thường phạm bị thực dân Pháp kết án xử tử, thức tỉnh lương tâm và truyền niềm tin vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng cho các bạn tử tù. Sau đó, phong trào đấu tranh của các lực lượng yêu nước và tiến bộ ở trong nước cũng như trên thế giới buộc chính quyền thực dân Pháp phải giảm án tử hình đối với đồng chí Phạm Hùng và một số chiến sĩ cách mạng xuống chung thân khổ sai, đày ra Côn Đảo tháng 1/1934.

Gần 15 năm trong tù đày, trong đó 12 năm bị thực dân Pháp giam giữ ở nhà tù Côn Đảo - địa ngục trần gian tàn bạo của chế độ thực dân, Đồng chí đã thể hiện khí phách cách mạng cao đẹp, kiên cường, dũng cảm, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì lý tưởng cách mạng, là biểu tượng của "tinh thần thép". Đồng chí đã cùng chi ủy, chi bộ lãnh đạo tù nhân đấu tranh quyết liệt đòi giảm nhẹ chế độ tù khổ sai, cải thiện chế độ sinh hoạt nhà tù; trực tiếp tham gia tổ chức nhiều lớp học tập văn hóa, học tập lý luận nâng cao trình độ chính trị, củng cố lập trường tư tưởng, giữ vững lý tưởng và niềm tin vào tương lai của cách mạng cho các chiến sĩ cộng sản, các bạn tù thường phạm, các bạn tù thuộc các đảng phái khác, góp phần quan trọng vào việc biến nhà tù đế quốc thành trường học cộng sản, đào tạo lớp cán bộ cách mạng

trưởng thành ngay trong nhà tù đế quốc. Trong khí thế Cách mạng tháng Tám năm 1945, với tư cách là Bí thư Đảo ủy, Đồng chí đã lãnh đạo tù nhân đứng lên giải phóng nhà tù Côn Đảo lần thứ nhất (1945) và trở về đất liền tiếp tục tham gia lãnh đạo kháng chiến ở miền Nam.

2. Đồng chí Phạm Hùng - Nhà lãnh đạo tài năng và có uy tín lớn của Đảng và Nhà nước ta

Đồng chí Phạm Hùng là một trong những nhà lãnh đạo có những cống hiến quan trọng, góp phần làm nên các chiến thắng vĩ đại của dân tộc ta trong thế kỷ XX. Với ý chí kiên cường, tư duy sáng tạo và nhiệt tình cách mạng, Đồng chí được Đảng, Nhà nước tin tưởng giao phó nhiều trọng trách trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc cũng như trong thời kỳ tái thiết, xây dựng đất nước trong hòa bình. Trong công tác, thời chiến cũng như trong thời bình, Đồng chí luôn thể hiện phong cách làm việc có chương trình, kế hoạch, có nguyên tắc nhưng không máy móc, thể hiện rõ tư duy độc lập, tự chủ của một nhà lãnh đạo tài năng.

Sau gần 15 năm bị giam cầm trong lao tù đế quốc (từ năm 1931 đến năm 1945), sau khi được Đảng đón từ nhà tù Côn Đảo về đất liền, đồng chí Phạm Hùng tham gia ngay vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam bộ. Đồng chí được bầu vào Xứ uỷ lâm thời Nam bộ, đến đầu năm 1946, khi đồng chí Lê Duẩn được điều ra Hà Nội, Đồng chí được bầu làm Bí thư Xứ ủy Nam Bộ kiêm Giám đốc Quốc gia Tự vệ cuộc (Giám đốc Nha Công an Nam bộ). Trên cương vị Bí thư Xứ ủy, Đồng chí luôn năng nổ, nhiệt huyết, làm việc có kế hoạch, có nguyên tắc và dân chủ, bám sát các nghị quyết của Đảng và những chỉ đạo của Bác Hồ, cùng tập thể Xứ ủy góp phần quan trọng vào việc chỉ đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của quân và dân Nam Bộ, lập được nhiều chiến thắng vẻ vang, được Bác Hồ tặng danh hiệu Nam Bộ Thành Đồng.

Với tài năng và uy tín của mình, Đồng chí đã xây dựng, củng cố khối đoàn kết thống nhất các lực lượng kháng chiến và kiện toàn bộ máy lãnh đạo của Xứ ủy trong những năm đầu cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ. Với tư cách là Giám đốc Quốc gia Tự vệ cuộc, Đồng chí trực tiếp chỉ đạo xây dựng lực lượng công an cách mạng ở Nam Bộ. Đây là một nhiệm vụ rất khẩn trương và quan trọng. Tính chất phức tạp trong nội bộ các lực lượng kháng chiến ở Nam Bộ xuất hiện từ sau Cách mạng tháng Tám đòi hỏi cần phải xây dựng một lực lượng công an trung thành với Đảng, đáp ứng yêu cầu công tác bảo vệ cơ sở cách mạng, bảo vệ Nhân dân, đồng thời loại trừ các phần tử cả mật thám lẫn tình báo của địch; tổ chức tiêu diệt những phần tử ác ôn gây tổn thất cho Đảng và có nhiều nợ máu với Nhân dân. Những chiến công của lực lượng công an Nam Bộ làm cho kẻ thù khiếp sợ, Nhân dân yêu mến và tuyệt đối tin tưởng, che giấu, giúp đỡ, được Bác Hồ gửi thư

khen ngợi. Tại Hội nghị Công an toàn quốc lần thứ V (1/1950), dự thảo Đề án Công an nhân dân Việt Nam do đồng chí Phạm Hùng trình bày đã được Hội nghị nhất trí thông qua; những nội dung được đề cập trong Đề án đã trở thành cơ sở khoa học lý luận và thực tiễn cho việc xây dựng lực lượng Công an nhân dân Việt Nam sau này.

Tại Đại hội toàn quốc lần thứ II của Đảng (2/1951), Đồng chí được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương và được chỉ định tham gia Trung ương Cục miền Nam; là Phó Bí thư Trung ương Cục kiêm Bí thư Phân Liên khu ủy miền Đông (3/1952). Đồng chí đã lãnh đạo, chỉ đạo quân dân miền Đông kháng chiến chống thực dân Pháp, củng cố và phát triển cơ sở kháng chiến, từng bước tạo ra thế và lực đưa cuộc kháng chiến của quân dân miền Đông phát triển lên đỉnh cao, góp phần phối hợp với chiến trường chính buộc địch phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ (21/7/1954) chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam và Đông Dương. Tháng 9/1954, Trung ương Đảng họp và khẳng định nhiệm vụ cách mạng giải phóng dân tộc chưa hoàn thành cuộc đấu tranh cứu quốc và điều chỉnh phương châm đấu tranh, bảo đảm việc thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ...; đồng chí Phạm Hùng được phân công làm Trưởng đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam trong Ban Liên hiệp đình chiến ở Nam Bộ, Trưởng phái đoàn liên lạc Quân đội nhân dân Việt Nam bên cạnh Ủy ban quốc tế ở Sài Gòn có nhiệm vụ giám sát và đấu tranh buộc đối phương thi hành Hiệp định ở vùng Nam Bộ.

Trong suốt 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Đồng chí đã cùng với Xứ ủy Nam Bộ, Trung ương Cục miền Nam vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng vào điều kiện cụ thể Nam Bộ, đề ra nhiều chủ trương quan trọng: Tổ chức tiến hành chiến tranh Nhân dân; thực hiện dân chủ ở nông thôn (tịch thu ruộng đất của thực dân Pháp và địa chủ Việt gian phản động, tạm cấp cho dân cày nghèo); chỉ đạo phong trào đấu tranh ở đô thị; giải quyết thành công vấn đề tôn giáo, làm tốt công tác vận động nhân sỹ, trí thức, tăng cường và mở rộng Mặt trận Dân tộc Thống nhất; đặc biệt là tăng cường công tác xây dựng Đảng. Nhờ giải quyết tốt vấn đề nông dân và liên minh công - nông - trí, nên cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ không ngừng được đẩy mạnh, vùng giải phóng ngày càng được mở rộng, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của quân và dân cả nước trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Sau khi miền Bắc được giải phóng, trên cương vị Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Thống nhất Trung ương, Phó Thủ tướng Chính phủ, Đồng chí đã tham gia tổ chức biên soạn và hoàn thiện dự thảo Đề án về hòa bình thống nhất nước nhà và cách mạng miền Nam, làm cơ sở cho Hội nghị Trung ương lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II xây dựng Nghị quyết 15 về cách mạng miền Nam; góp phần to lớn tạo ra bước ngoặt cho cách

mạng miền Nam từ thế cầm cự giữ gìn lực lượng, chuyển sang thế tấn công và giành thắng lợi.

Ngày 29/4/1958, tại Kỳ họp thứ tám, Quốc hội khóa I đã bầu đồng chí Phạm Hùng làm Phó Thủ tướng Chính phủ. Đồng chí đã dành hết tâm trí, nỗ lực thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo lĩnh vực phát triển kinh tế, trực tiếp đi cơ sở động viên các phong trào sản xuất nông nghiệp, cơ sở sản xuất kinh tế; kiểm tra, chỉ đạo thực tiễn ở địa phương; chỉ đạo xây dựng và ban hành các văn bản điều hành kinh tế vĩ mô và tổ chức các nhiệm vụ phát triển trên các mặt trận kinh tế - xã hội đạt những thành tựu quan trọng, thúc đẩy phát triển toàn diện, làm cơ sở hậu phương vững chắc cho tiền tuyến miền Nam.

Năm 1967, Đồng chí được Đảng giao nhiệm vụ Bí thư Trung ương Cục miền Nam và Chính ủy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam. Đây là thời điểm quân và dân miền Nam đang bí mật gấp rút chuẩn bị và tiến hành đòn tiến công chiến lược Tết Mậu Thân (1968). Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân của quân và dân ta nổ ra đồng loạt trên khắp miền Nam, có ý nghĩa vô cùng quan trọng, đánh bại ý chí xâm lược của kẻ thù, buộc chúng phải thay đổi chiến lược chiến tranh và ngồi vào bàn đàm phán với Chính phủ ta tại Hội nghị Pa-ri.

Từ cuối năm 1968 đến tháng 4/1975, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Phạm Hùng, Trung ương Cục đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết, chỉ đạo phong trào đấu tranh của quân và dân miền Nam trên cả ba vùng chiến lược. Tháng 4/1975, sau thắng lợi của các chiến dịch Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch giải phóng Sài Gòn, mang tên Chiến dịch Hồ Chí Minh, chỉ định đồng chí Văn Tiến Dũng làm Tư lệnh, đồng chí Phạm Hùng làm Chính ủy Bộ Chỉ huy Chiến dịch. Với tư cách là Bí thư Trung ương Cục, Bí thư Quân ủy Miền, Chính ủy Chiến dịch, đồng chí Phạm Hùng đã góp phần quan trọng trong việc tổ chức và lãnh đạo quân và dân ta, nhất là cổ vũ, động viên lực lượng vũ trang chớp thời cơ để hoàn thành thắng lợi Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Sáng 30/4/1975, khi nghe tin Tổng thống Sài Gòn đề nghị với phía cách mạng ngừng bắn để thương lượng, Chính ủy Phạm Hùng đã ký và cho phát ngay bức điện hỏa tốc gửi các đơn vị trên chiến trường: "Địch đang dao động tan rã. Các cánh quân hãy đánh mạnh, tiến nhanh chiếm các mục tiêu đúng quy định. Hội quân tại Dinh Độc lập ngụy. Địch không còn có gì để thương lượng bàn giao. Chúng phải đầu hàng vô điều kiện. Tiến lên! Toàn thắng!" - 11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. Là một trong những người lãnh đạo cao nhất của cách mạng miền Nam, đồng chí Phạm Hùng đã tỏ rõ tinh thần kiên cường, dũng cảm, mưu trí, vượt qua gian khổ và ác liệt của đạn bom, góp phần vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, thực hiện thành công tâm nguyện của Bác Hồ, thu non sông Việt Nam về một mối.

Sau khi đất nước thống nhất, đồng chí Phạm Hùng được Đảng và Nhà nước giao nhiều trọng trách: Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng kiêm Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Trong những điều kiện khó khăn phức tạp của đất nước sau giải phóng, Đồng chí đã thể hiện bản lĩnh của một nhà lãnh đạo giàu kinh nghiệm, quyết đoán và sáng suốt. Trên mọi cương vị công tác, đặc biệt trên cương vị Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Đồng chí chú trọng xây dựng đạo đức người công an cách mạng, phát động trong toàn lực lượng công an phong trào học tập, thấm nhuần sâu sắc và thực hiện nghiêm túc 6 điều Bác Hồ dạy; góp phần xây dựng lực lượng công an nhân dân trưởng thành lớn mạnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giữ vững ổn định chính trị, làm thất bại hoàn toàn các âm mưu bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch và phản cách mạng thời hậu chiến, giữ gìn sự bình yên cho đất nước.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12/1986), đồng chí Phạm Hùng tiếp tục được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương và Uỷ viên Bộ Chính trị; tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa VIII (17/6/1987), được bầu làm Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Thủ tướng đầu tiên của nước ta thời kỳ đổi mới.

Tình hình đất nước ta trong những năm đầu đổi mới gặp vô vàn khó khăn, khủng hoảng, lạm phát nghiêm trọng, các thế lực thù địch thực hiện cấm vận bao vây, phá hoại nhiều mặt, hòng làm đất nước ta kiệt quệ về kinh tế. Trên cương vị đứng đầu Chính phủ, Đồng chí khẳng định trước Quốc hội: "Tập thể Hội đồng Bộ trưởng chúng tôi sẽ cố gắng hết sức mình bằng ý chí tiến công cách mạng, bằng hành động thiết thực, bằng hiệu quả cụ thể để làm tròn trách nhiệm đối với Đảng, Quốc hội và nhân dân".

Những cống hiến và hoạt động không mệt mỏi của đồng chí Phạm Hùng trong những năm tháng chèo chống con thuyền cách mạng vượt qua khó khăn thời kỳ đầu đổi mới đã để lại dấu ấn sâu đậm, khẳng định tài năng và tinh thần trách nhiệm của một nhà lãnh đạo chủ chốt với những quyết sách của Đảng và Nhà nước, đưa đất nước ta thoát khỏi đói nghèo, từng bước phát triển.

3. Đồng chí Phạm Hùng - Tấm gương mẫu mực về đạo đức cách mạng

Đồng chí Phạm Hùng được nuôi dưỡng và lớn lên ở vùng châu thổ hạ lưu sông Cửu Long, mảnh đất giàu truyền thống đấu tranh cách mạng, trung tâm của đồng bằng Nam Bộ. Trải qua hàng trăm năm khai hoang, mở đất, lao động chinh chục thiên nhiên đã hình thành ở con người nơi đây những phẩm chất tốt đẹp: Cần cù, chịu thương, chịu khó, tương thân tương ái, trọng nghĩa, hào hiệp, ý chí vượt lên số phận, sẵn sàng chấp nhận mạo hiểm, không chịu lùi bước trước khó khăn, thách thức; vừa chống lại sự bất công của xã hội để giành lẽ sống, vừa sẵn sàng xả thân chống ngoại xâm giữ gìn nền độc lập của Tổ quốc. Truyền thống yêu nước, cách mạng, những phẩm chất quý báu của con người và quê hương Vĩnh Long và cái nôi

giáo dưỡng nền nếp, chu đáo, toàn diện của gia đình, đã góp phần hình thành, hun đúc nên một nhân cách lớn, người cộng sản mẫu mực Phạm Hùng, người con kiên trung của Nam Bộ Thành Đồng - danh hiệu do Chủ tịch Hồ Chí Minh phong tặng. Đồng thời, chính tấm gương đạo đức sáng ngời, sự nghiệp cách mạng cao cả của đồng chí Phạm Hùng đã góp phần bồi đắp, tô đẹp thêm truyền thống tốt đẹp của quê hương Vĩnh Long.

Cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí Phạm Hùng là một tấm gương cao đẹp của một người cộng sản chân chính, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, suốt đời tận trung với nước, tận hiếu với dân. Trong suốt quá trình sáu mươi năm hoạt động cách mạng liên tục, Đồng chí đã tỏ rõ tinh thần kiên trung cách mạng, ý chí suốt đời phấn đấu hy sinh vì độc lập, tự do của dân tộc, vì sự nghiệp thống nhất Tổ quốc. Không quản gian nan, nguy hiểm, dù ở cương vị nào, dù ở thời kỳ cách mạng nào, Đồng chí cũng luôn sẵn sàng xông pha nơi đầu sóng ngọn gió, trung thành tuyệt đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng. Với tinh thần nhiệt huyết cách mạng, kiên định, sáng tạo, nghị lực phi thường, Đồng chí đã cống hiến đến hơi thở cuối cùng vì hạnh phúc, ấm no của Nhân dân, vì hòa bình và phát triển đất nước.

Trong sinh hoạt, Anh Hai - Phạm Hùng luôn thể hiện phong cách bình dị, gần gũi, ân cần, cởi mở, hết lòng yêu thương đồng chí, dân chủ và rộng lượng với mọi người nhưng lại rất nghiêm khắc với chính mình. Trên cương vị là người lãnh đạo cao nhất của Chính phủ, người ta thấy ở Đồng chí sự thanh tao, tiết kiệm, điều độ, ngăn nắp, yêu lao động, quý trọng thời gian, không ham muốn quyền lợi cho riêng mình, ghét thói bợ đỡ, công khai tự phê bình và sẵn sàng tiếp thu ý kiến người khác góp ý cho mình. Không chỉ tu dưỡng, rèn luyện đạo đức bản thân, mà trên cương vị của mình, Đồng chí luôn quan tâm, giành nhiều tâm lực cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng các thế hệ cán bộ có năng lực và phẩm chất đạo đức cách mạng. Đồng chí luôn tin tưởng vào sức mạnh của Nhân dân, gắn bó máu thịt với Nhân dân, phấn đấu không mệt mỏi cho khối đại đoàn kết dân tộc; không chỉ quan tâm, giáo dục, giác ngộ mà còn gần gũi học hỏi Nhân dân, lo từ cái ăn, ở, học hành của dân, bảo vệ lợi ích và tài sản của dân. Đồng chí thường nhắc nhở cán bộ: Đồng bào đã ủng hộ kháng chiến nhiều rồi, không nên lợi dụng dân quý mến mà nhận quà cáp của dân. Những năm tháng gian khổ ở chiến khu miền Đông, thiếu thốn lương thực, thực phẩm, Đồng chí luôn gương mẫu tham gia tăng gia sản xuất, trồng rau, nuôi gà, không nhận khẩu phần cơm anh em dành riêng cho mình. Đồng chí nói: Cùng sống chung với nhau, sống chết bên nhau, thì phải đồng cam cộng khổ; tôi không thể nào nuốt cơm trôi khi các anh em húp cháo loãng.

Yêu thương con người là phẩm chất bao trùm ở đồng chí Phạm Hùng. Tình yêu thương con người ở Đồng chí được gắn quyện với tình yêu thiên nhiên, quê

hương, đất nước đã tạo nên tinh thần lạc quan của người chiến sĩ cộng sản. Đối với đồng chí, đồng đội, dù ở cương vị nào, Đồng chí luôn chân thành, thẳng thắn, trọng lẽ phải, quý trọng và hòa hợp với mọi người. Đồng chí là một nhà lãnh đạo có tài có đức, có lối sống tình nghĩa, cởi mở, rộng lượng bao dung, khoáng đạt, vị tha và tác phong hòa đồng dễ mến.

Đồng chí trở thành tấm gương sáng về nghị lực và tình yêu thương của người cộng sản. Đồng chí lo, buồn, vui cho đất nước, nhưng vẫn không quên trách nhiệm với gia đình riêng của mình. Đồng chí là người con hiếu nghĩa với cha mẹ, quê hương và đất nước, người chồng thủy chung, người cha mẫu mực, hết lòng thương yêu con cháu. Trong thời gian công tác tại chiến trường miền Nam, mặc dù rất bận nhưng khi có cơ hội, Đồng chí vẫn giành cho gia đình, bạn bè ở miền Bắc những tình cảm nồng ấm, yêu thương, gần gũi.

Đồng chí là một cán bộ cao cấp chủ chốt của Đảng và Nhà nước ta, tài đức vẹn toàn, có phong cách sống và làm việc thể hiện rõ phong cách của một người học trò ưu tú của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cuộc đời Đồng chí là tấm gương sáng về đạo đức cách mạng của người cộng sản trung kiên, bất khuất suốt đời phấn đấu hy sinh phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân và xây dựng tình đoàn kết hữu nghị giữa Nhân dân ta với các dân tộc và bạn bè trên thế giới.

III. Học tập tấm gương suốt đời phấn đấu hy sinh vì sự nghiệp cách mạng, vì hạnh phúc của Nhân dân của đồng chí Phạm Hùng, cán bộ, đảng viên và toàn thể Nhân dân quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng

Hiện nay, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang tích cực đưa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng vào cuộc sống; triển khai thực hiện các kết luận, quyết định của Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị khóa XIII về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, triển khai chuyên đề "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc"... Tuyên truyền, kỷ niệm 110 năm Ngày sinh Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Hùng là những hoạt động thiết thực để tôn vinh những cống hiến lớn lao của Đồng chí đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc ta, đồng thời bồi dưỡng truyền thống cách mạng, giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ Việt Nam.

Kỷ niệm 110 năm Ngày sinh đồng chí Phạm Hùng, chúng ta học tập tấm gương của Người chiến sĩ cộng sản kiên trung, Người học trò xuất sắc của Chủ tịch

Hồ Chí Minh, Người con ưu tú của dân tộc và quê hương Vĩnh Long với những phẩm chất cao quý: *Đó là,* ý chí kiên cường, dũng cảm, lạc quan, tuyệt đối trung thành với lý tưởng của Đảng, vững tin vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng mà Đảng và Nhân dân ta đã lựa chọn. *Đó là,* phong cách làm việc khoa học, sâu sát cơ sở, thực tiễn, gắn bó máu thịt với Nhân dân; có tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo; làm việc có kế hoạch, có kỷ luật, tâm huyết, trách nhiệm cao với tinh thần "Chúng ta còn sống thì còn lao động và chiến đấu". *Đó là,* tình yêu thương con người, đối với đồng chí sống có tình nghĩa, bao dung, vị tha; đối với bản thân thì nghiêm khắc tự phê bình, sẵn sàng tiếp thu ý kiến người khác góp ý; sống giản dị, chân tình; hiếu nghĩa với cha mẹ, quê hương, đất nước; thuỷ chung, mẫu mực, hết lòng chăm lo, thương yêu gia đình.

Phát huy truyền thống cách mạng quý báu do các thế hệ tiền bối để lại, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta ra sức đẩy mạnh thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, đoàn kết đồng tâm hiệp lực, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đẩy lùi dịch bệnh, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, xây dựng nước Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", sớm hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

TÀI LIỆU HỌC TẬP
NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH NGHỊ QUYẾT SỐ 10-NQ/TW, NGÀY 10/02/2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN VÀ CÔNG NGHIỆP KHAI KHOÁNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Về quan điểm chỉ đạo

(1) Tài nguyên địa chất, khoáng sản vừa là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, vừa là nguồn dự trữ lâu dài của quốc gia cần phải được quy hoạch, điều tra, thăm dò đầy đủ; được quản lý tập trung, thống nhất; khai thác, sử dụng bền vững, hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả.

(2) Điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản phải đi trước một bước, làm cơ sở xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Nhà nước ưu tiên bố trí ngân sách và có chính sách thu hút nguồn lực đầu tư cho công tác điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản, tập trung điều tra, đánh giá các khoáng sản chiến lược, quan trọng. Thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản phải quản lý tập trung, thống nhất.

(3) Công tác quản lý quy hoạch, điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản, thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản phải có tầm nhìn chiến lược, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội cả trước mắt, trung và dài hạn; hài hòa giữa bảo tồn và phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, cảnh quan, di tích lịch sử, văn hóa, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia. Quản lý chặt chẽ, công khai, minh bạch các nguồn tài nguyên khoáng sản, bảo đảm công bằng xã hội, tôn trọng nguyên tắc thị trường trong hoạt động địa chất, khoáng sản.

(4) Có sự gắn kết chặt chẽ, hiệu quả từ khâu quy hoạch, điều tra, thăm dò, khai thác đến chế biến, sử dụng khoáng sản; đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại, theo mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh. Nguồn ngân sách thu được từ tài nguyên khoáng sản cần được ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội cho địa phương và người dân nơi khai thác khoáng sản; bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, người dân và doanh nghiệp; phù hợp với các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia; giảm dần sử dụng nhiên liệu hóa thạch, hướng tới mục tiêu đạt mức trung hòa các-bon.

2. Về mục tiêu và tầm nhìn

(1) Mục tiêu tổng quát: Điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản bảo đảm cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu tin cậy về địa chất, khoáng sản, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Tài nguyên khoáng sản được quản lý chặt chẽ, khai thác, chế biến, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, gắn với nhu cầu phát triển của nền kinh tế, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và hướng tới mục tiêu đạt mức trung hòa các-bon.

(2) Một số chỉ tiêu cụ thể

- Đến năm 2025, lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 đạt 80% diện tích đất liền. Hoàn thành điều tra, đánh giá khoáng sản tại các khu vực có triển vọng ở Tây Bắc và Trung Trung Bộ; điều tra địa chất, khoáng sản biển tỉ lệ 1:500.000 tại một số khu vực đến độ sâu 300 và 1.500 mét nước. Thăm dò, khai thác, chế biến một số khoáng sản đạt trình độ khu vực, tiệm cận trình độ thế giới.

- Đến năm 2030, lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 đạt 85% diện tích phần đất liền. Hoàn thành điều tra, đánh giá khoáng sản năng lượng, kim loại tại các khu vực có triển vọng ở Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ; điều tra tai biến trượt lở, lũ quét tại các tỉnh miền núi có nguy cơ cao; điều tra, lập bản đồ địa chất môi trường các khu vực chứa khoáng sản độc hại, phóng xạ; khoanh định các cấu trúc địa chất sâu thuận lợi để hướng tới ứng dụng công nghệ chôn lấp các-bon và các chất độc hại khác. Hoàn thành hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin về địa chất, khoáng sản đồng bộ, tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia. Thăm dò, khai thác, chế biến đối với hầu hết các khoáng sản đạt trình độ khu vực, tiệm cận trình độ thế giới.

(3) Tầm nhìn đến năm 2045: Hoàn thành 100% việc lập bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 đối với diện tích đất liền và tỷ lệ 1:500.000 trên biển. Hoàn thành công tác điều tra cơ bản đối với các tài nguyên địa chất khác. Hình thành nền công nghiệp khai khoáng tiên tiến, hiện đại gắn với mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh tương đương với các nước tiên tiến khu vực Châu Á.

3. Về các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

Một là, tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng; thống nhất và nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của tài nguyên địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật, thống nhất nhận thức và nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân, nhất là người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp về tầm quan trọng của tài nguyên địa chất, khoáng sản, về vai trò, vị trí của ngành Địa chất và công nghiệp khai khoáng. Việc quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản phải bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, trên cơ sở áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, kết hợp hài hòa với bảo tồn, dự trữ cho tương lai.

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản, phát triển công nghiệp khai khoáng; quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên địa chất, khoáng sản; bảo vệ môi trường, sinh thái an toàn lao động trong hoạt động khoáng sản. Chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về địa chất, khoáng sản.

Hai là, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng

- Thể chế hóa đầy đủ các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng. Tổng kết, đánh

giá đầy đủ việc thực hiện Luật Khoáng sản năm 2010, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện nội dung về công tác điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng; trong đó lưu ý:

+ Quy định cụ thể nội dung điều tra cơ bản địa chất tài nguyên địa chất (tài nguyên khoáng sản; tài nguyên vị thế, di sản địa chất, công viên địa chất); các điều kiện địa chất khác (tai biến địa chất, địa chất môi trường, địa chất thủy văn - địa chất công trình, địa mạo...). Ưu tiên công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác tài nguyên khoáng sản gắn với yêu cầu đánh giá tiềm năng, giá trị các tài nguyên biển quan trọng ở một số vùng biển trọng điểm.

+ Điều tra cơ bản địa chất chủ yếu do Nhà nước thực hiện, xã hội hóa nguồn vốn thực hiện một số đề án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản theo quy hoạch; kết quả điều tra cơ bản địa chất, thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản (là cơ sở dữ liệu quốc gia) phải được thẩm định, nộp vào lưu trữ địa chất để quản lý tập trung, thống nhất; quy định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu địa chất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và các ngành kinh tế để phát huy nguồn lực tài chính tái đầu tư cho công tác điều tra cơ bản địa chất.

+ Rà soát, quy định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khai thác khoáng sản; việc tái đầu tư nguồn thu từ khai thác khoáng sản để đầu tư phát triển giáo dục, y tế, hạ tầng, bảo đảm an sinh xã hội... cho địa phương và người dân nơi khai thác khoáng sản.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản, thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phù hợp với thực tiễn; hoàn thiện cơ chế quản lý theo nguyên tắc thị trường; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác khoáng sản, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, chống tiêu cực, lãng phí tài nguyên khoáng sản, tăng nguồn thu cho ngân sách. Ưu tiên cấp phép khai thác khoáng sản là vật liệu xây dựng thông thường cho xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng, nhất là công trình trọng điểm quốc gia.

- Điều chỉnh thuế suất thuế tài nguyên đối với một số khoáng sản nhằm khuyến khích đầu tư công nghệ tiên tiến, hiện đại để khai thác, chế biến các mỏ khoáng sản có điều kiện địa chất - mỏ phức tạp, hàm lượng thấp, hạ tầng kỹ thuật thấp kém.

- Hoàn thiện chính sách xuất - nhập khẩu và dự trữ khoáng sản, bảo đảm cân đối nhu cầu trước mắt với dự trữ khoáng sản lâu dài; xuất khẩu khoáng sản trên cơ sở cân đối hiệu quả đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản; khuyến khích huy động nguồn vốn xã hội hóa đầu tư cho công tác điều tra, đánh giá khoáng sản.

- Hoàn thiện chính sách khuyến khích các doanh nghiệp trong nước đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản, nhất là những khoáng sản quan trọng; khuyến khích hợp tác, đầu tư nước ngoài sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong chế biến khoáng sản.

- Hoàn thiện chính sách thu hút, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, đội ngũ chuyên gia có trình độ cao và công nhân lành nghề lĩnh vực địa chất, khoáng sản.

Xây dựng chế độ đãi ngộ phù hợp đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngành địa chất, khoáng sản.

Ba là, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng

- Khẩn trương lập, phê duyệt Quy hoạch về điều tra cơ bản địa chất; Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản theo quy định của Luật Quy hoạch (hoàn thành trong năm 2022); Chiến lược địa chất, khoáng sản, phát triển công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản; quản lý tập trung, thống nhất cơ sở dữ liệu quốc gia về địa chất, khoáng sản phục vụ đa mục tiêu. Hoàn thiện mô hình tổ chức cơ quan quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản, trong đó có hệ thống cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành khoáng sản từ Trung ương đến địa phương trước năm 2025.

- Áp dụng mô hình quản trị tài nguyên khoáng sản minh bạch, hiệu quả của thế giới; tăng cường vai trò kiểm tra, giám sát của địa phương, người dân nơi khai thác khoáng sản; lượng hóa và hạch toán đầy đủ giá trị tài nguyên khoáng sản vào nền kinh tế.

- Ưu tiên cấp phép dự án khai thác khoáng sản cho tổ chức doanh nghiệp có năng lực, kinh nghiệm, sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại gắn với địa chỉ sử dụng khoáng sản; cải tạo, mở rộng nâng cấp các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản, thu hồi tối đa khoáng sản chính, các khoáng sản đi kèm, bảo vệ môi trường sinh thái theo mô hình kinh tế tuần hoàn.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, xem xét trách nhiệm đối với các tổ chức, cá nhân để xảy ra sai phạm trong quản lý, sử dụng khoáng sản và các hoạt động liên quan đến địa chất khoáng sản, công nghiệp khai khoáng. Thu hồi giấy phép khai thác, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm trong hoạt động khai thác khoáng sản, nhất là lợi dụng để đầu cơ, tích trữ, nâng giá, thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước và nhân dân.

Bốn là, tăng cường nguồn lực thực hiện công tác điều tra cơ bản địa chất; ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại trong điều tra cơ bản tài nguyên địa chất, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản

- Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước kết hợp huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong xã hội cho công tác điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản theo quy hoạch, kế hoạch để có đầy đủ thông tin, dữ liệu địa chất phục vụ đa mục tiêu (quốc phòng, an ninh, giao thông, xây dựng, công thương, nông nghiệp...); điều tra phân định các cấu trúc địa chất sâu thuận lợi, hướng đến ứng dụng công nghệ chôn lấp các-bon, đánh giá tiềm năng khoáng sản phục vụ quy hoạch thăm dò, khai thác.

- Khuyến khích đầu tư, đổi mới đồng bộ công nghệ, thiết bị tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường cho công tác điều tra cơ bản tài nguyên địa chất, khoáng sản, (nhất là khoáng sản kim loại ẩn sâu trên các khu vực có triển vọng đến 1.000

m) và khai thác, chế biến khoáng sản. Hoàn thành việc chuyển đổi toàn diện công nghệ, thiết bị các cơ sở khai thác, chế biến đá làm vật liệu xây dựng quy mô nhỏ bảo đảm an toàn, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trước năm 2030.

- Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên địa chất, khoáng sản, quản lý tập trung, thống nhất trước năm 2025; thiết lập nền tảng tài nguyên số, thực hiện chuyển đổi số trong quản lý, khai thác khoáng sản bảo đảm công khai, minh bạch, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước.

- Hoàn thành đầu tư dự án khai thác, chế biến quặng crômit tại Cổ Định (Thanh Hoá), luyện, cán thép tại mỏ sắt Quý Xa (Lào Cai) trước năm 2025. Nghiên cứu, lựa chọn công nghệ tiệm cận trình độ thế giới để đầu tư khai thác than nâu vùng đồng bằng Sông Hồng; đánh giá hiệu quả đầu tư, hiệu quả kinh tế - xã hội bền vững để xem xét đầu tư các dự án khai thác, chế biến: Sắt Thạch Khê (Hà Tĩnh); ti-tan (Bình Thuận), hoàn thành trước năm 2030.

- Duy trì hoạt động hiệu quả các dự án khai thác, chế biến bôxít - alumin - nhôm, đất hiếm, xi măng, sắt - thép, đồng, đá hoa trắng trở thành ngành công nghiệp chủ đạo, phát triển bền vững tương xứng với quy mô khoáng sản; sử dụng công nghệ, thiết bị khai thác, chế biến tiên tiến, hiện đại theo mô hình kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải khí nhà kính và sử dụng than hợp lý, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng 0 trước năm 2050.

Năm là, tăng cường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản

- Chú trọng đào tạo, bổ sung đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, chuyên gia có trình độ cao và công nhân lành nghề cho ngành Địa chất, khoáng sản, đi đôi với thực hiện chính sách thu hút nhân tài, chế độ đãi ngộ, nhất là cải cách tiền lương.

- Đẩy mạnh hợp tác, học tập kinh nghiệm quốc tế trong nghiên cứu, điều tra các khoáng sản ẩn sâu; trong xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về địa chất, khoáng sản, không gian ngầm và quản trị tài nguyên khoáng sản. Hợp tác nghiên cứu công nghệ khai thác than nâu vùng đồng bằng Sông Hồng; khảo sát hang động; điều tra, khảo sát các di sản địa chất; cải tạo, phục hồi môi trường, cảnh quan sau khai thác khoáng sản...

4. Về tổ chức thực hiện

- Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền nội dung Nghị quyết tới cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; xây dựng các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết.

- Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo việc rà soát, sửa đổi, hoàn thiện pháp luật về địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng theo Nghị quyết và giám sát việc thực hiện.

- Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo việc lập, phê duyệt, triển khai Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng; ưu tiên bố trí nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ, đạt mục tiêu đã nêu trong Nghị quyết; rà soát, sửa đổi,

bổ sung các văn bản dưới luật có liên quan đến công tác địa chất, khoáng sản; sớm tổng kết việc thực hiện Luật Khoáng sản năm 2010 để xây dựng, trình Quốc hội khóa XV xem xét bổ sung, sửa đổi Luật Khoáng sản trước năm 2024; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức, hướng dẫn việc quán triệt thực hiện Nghị quyết.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát việc thực hiện Nghị quyết, phát huy vai trò phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng cơ chế, chính sách và hoàn thiện pháp luật về địa chất, khoáng sản; giám sát việc khai thác khoáng sản.

- Ban cán sự đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết./.

TÀI LIỆU HỌC TẬP
NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH NGHỊ QUYẾT SỐ 06-NQ/TW, NGÀY 24/01/2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ QUY HOẠCH, XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐÔ THỊ VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Về quan điểm chỉ đạo

(1) Đô thị hoá là tất yếu khách quan, là một động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững trong thời gian tới. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; thống nhất nhận thức và hành động trong hoàn thiện thể chế, quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững theo hướng đô thị xanh, văn minh, giàu bản sắc và có tính tiên phong, dẫn dắt các hoạt động đổi mới sáng tạo, trở thành động lực phát triển là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của cả hệ thống chính trị.

(2) Đổi mới tư duy, lý luận và phương pháp quy hoạch đô thị; bảo đảm quy hoạch đô thị phải có tầm nhìn dài hạn, đồng bộ và hiện đại, lấy con người và chất lượng cuộc sống làm trung tâm; văn hóa và văn minh đô thị làm nền tảng phát triển; kết hợp hài hoà giữa quá trình đô thị hoá, phát triển đô thị với công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng nông thôn mới và cơ cấu lại nền kinh tế, quản lý phát triển xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Quy hoạch đô thị và phát triển kết cấu hạ tầng các đô thị phải đi trước một bước và tạo ra nguồn lực chủ yếu cho phát triển đô thị. Kiên quyết xoá bỏ tư duy nhiệm kỳ và tình trạng "quy hoạch treo", cơ chế "xin - cho", "lợi ích nhóm" trong xây dựng, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch.

(3) Tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật và ban hành các cơ chế, chính sách có tính đột phá vượt trội cho phát triển đô thị bền vững, thúc đẩy kinh tế khu vực đô thị tăng trưởng nhanh, hiệu quả. Bảo đảm kết hợp đồng bộ và hài hoà giữa cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị với phát triển các đô thị mới, bảo đảm kiến trúc đô thị hiện đại, giàu bản sắc, các yếu tố văn hóa đặc trưng được giữ gìn và phát huy; phát triển mạnh mẽ liên kết ngành, liên kết vùng và lợi thế kết nối đa chiều của các đô thị; chú trọng tổ chức lại đời sống dân cư và phát triển kinh tế trong quá trình tái thiết và phát triển đô thị; bảo đảm chất lượng sống tại đô thị ở mức cao, đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở và hạ tầng xã hội cho dân cư đô thị.

(4) Phát triển hệ thống đô thị bền vững theo mạng lưới, phân bổ hợp lý, phù hợp với từng vùng, miền, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, cân đối giữa các vùng, miền; phát triển các đô thị có chức năng tổng hợp với quy mô và dân số ở mức hợp lý theo hướng đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai và dịch bệnh; bảo đảm tính kết nối cao giữa các đô thị trực thuộc Trung ương, đô thị trung tâm cấp quốc gia với đô thị vùng và khu vực nông thôn. Lựa chọn các đô thị có lợi thế đặc biệt để xây dựng thành các trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ... có khả năng cạnh tranh khu vực, quốc tế cao.

(5) Thực hiện phân cấp và phân quyền mạnh mẽ hơn cho chính quyền các đô thị gắn với đề cao trách nhiệm, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý thống nhất của Trung ương. Phát huy và khai thác tốt các nguồn lực từ chính đô thị và nguồn lực từ xã hội cho phát triển đô thị. Tạo mọi điều kiện và khuyến khích các khu vực kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân tham gia đầu tư phát triển đô thị. Xử lý nghiêm minh đối với các sai phạm trong thực hiện quy định pháp luật về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị.

2. Về mục tiêu và tầm nhìn

(1) Mục tiêu tổng quát: Đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hoá, phát triển đô thị bền vững theo mạng lưới, hình thành một số đô thị, chuỗi đô thị động lực thông minh kết nối với khu vực và thế giới. Thể chế, chính sách về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững cơ bản được hoàn thiện. Kết cấu hạ tầng của đô thị, nhất là hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng xã hội thiết yếu được xây dựng và phát triển đồng bộ, hiện đại. Kinh tế khu vực đô thị tăng trưởng nhanh, hiệu quả và bền vững. Chất lượng sống tại đô thị ở mức cao, bảo đảm đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở và hạ tầng xã hội cho cư dân đô thị. Phát triển kiến trúc đô thị hiện đại, xanh, thông minh, giàu bản sắc, các yếu tố văn hóa đặc trưng được giữ gìn và phát huy.

(2) Một số chỉ tiêu cụ thể

- Tỷ lệ đô thị hoá đến năm 2025 đạt tối thiểu 45%, đến năm 2030 đạt trên 50%. Tỉ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên đạt khoảng 1,5-1,9% vào năm 2025, đến năm 2030 đạt khoảng 1,9 - 2,3%.

- Số lượng đô thị toàn quốc đến năm 2025 khoảng 950 - 1.000 đô thị, đến năm 2030 khoảng 1.000 - 1.200 đô thị. Đến năm 2025, 100% các đô thị hiện có và đô thị mới có quy hoạch tổng thể, quy hoạch phân khu, chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị; bảo đảm tối thiểu 100% đô thị loại III trở lên hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng về y tế, giáo dục, đào tạo và công trình văn hoá cấp đô thị. Đến năm 2030, hình thành một số trung tâm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng đạt các chỉ tiêu về y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa cấp đô thị tương đương mức bình quân của các đô thị thuộc nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN.

- Tỉ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt khoảng 11 - 16% vào năm 2025, 16 - 26% vào năm 2030. Diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị đạt khoảng 6-8 m^2 vào năm 2025, khoảng 8 - 10 m^2 vào năm 2030. Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị đạt tối thiểu 28 m^2 vào năm 2025, đến năm 2030 đạt tối thiểu 32 m^2.

- Đến năm 2025, hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình tại đô thị, phổ cập dịch vụ mạng di động 4G, 5G và điện thoại thông minh; tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%. Đến năm 2030, phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang, phổ cập dịch vụ mạng di động 5G, tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%.

- Kinh tế khu vực đô thị đóng góp vào GDP cả nước khoảng 75% vào năm 2025 và khoảng 85% vào năm 2030. Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của các đô thị trực thuộc Trung ương đạt bình quân 25 - 30% vào năm 2025, 35 - 40% vào năm 2030. Xây dựng được mạng lưới đô thị thông minh trung tâm cấp quốc gia và cấp vùng kết nối quốc tế và 3 - 5 đô thị có thương hiệu được công nhận tầm khu vực và quốc tế vào năm 2030.

(3) Tầm nhìn đến năm 2045: Tỷ lệ đô thị hoá thuộc nhóm trung bình cao của khu vực ASEAN và Châu Á. Hệ thống đô thị liên kết thành mạng lưới đồng bộ, thống nhất, cân đối giữa các vùng, miền, có khả năng chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, kiến trúc tiêu biểu giàu bản sắc, xanh, hiện đại, thông minh. Xây dựng được ít nhất 5 đô thị đạt tầm cỡ quốc tế, giữ vai trò là đầu mối kết nối và phát triển với mạng lưới khu vực và quốc tế. Cơ cấu kinh tế khu vực đô thị phát triển theo hướng hiện đại với các ngành kinh tế xanh, kinh tế số chiếm tỉ trọng lớn.

3. Về các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

Một là, hoàn thiện thể chế, chính sách tạo thuận lợi cho quá trình đô thị hoá, công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững

- Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về đất đai, đầu tư, quy hoạch, phát triển đô thị, kiến trúc, xây dựng bảo đảm tính minh bạch, thống nhất, loại bỏ các mâu thuẫn, chồng chéo. Sửa đổi, bổ sung hoàn thiện đồng bộ các luật đất đai, quy hoạch đô thị, xây dựng, kinh doanh bất động sản, nhà ở,... Sớm xây khung pháp lý cho phát triển đô thị thông minh, quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị và không gian ngầm đô thị.

- Xây dựng và chuẩn hoá các tiêu chuẩn, hệ thống chỉ tiêu, chỉ số về đô thị hoá và phát triển đô thị bền vững trên phạm vi cả nước và cho từng vùng, địa phương phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tiễn Việt Nam; nâng cao tiêu chuẩn phòng, chống thiên tai, cháy, nổ, sự cố môi trường, dịch bệnh, bảo vệ môi trường trong các công trình xây dựng đô thị, Hoàn thiện các quy định về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính đô thị phù hợp với đặc điểm vùng miền, các đô thị có tính đặc thù. Sửa đổi, bổ sung quy định về phân loại đô thị bảo đảm tính tương thích, đồng bộ giữa quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính và quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị. Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn riêng cho xây dựng và lựa chọn mô hình phát triển đô thị bền vững, phù hợp cho từng vùng, miền, tại những địa bàn vùng đồi núi, cao nguyên, vùng có tính trọng yếu về quốc phòng, an ninh, các đô thị có nhiều di tích lịch sử, di sản văn hoá, cảnh quan thiên nhiên cần bảo tồn, gìn giữ. Khắc phục triệt để tình trạng nâng loại đô thị khi chưa đủ tiêu chí.

- Hoàn thiện pháp luật và các cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho các địa phương trong xử lý các vấn đề liên ngành, liên vùng như: Bảo vệ nguồn nước, kết nối hạ tầng, quản lý chất thải, sử dụng tài nguyên, đất đai, vận tải công cộng, hạ tầng số và logistic...; đầu tư vào kết cấu hạ tầng vùng và hạ tầng dùng chung, đặc biệt ở các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao. Hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách điều phối và kiểm soát đối với công tác quy hoạch, sử dụng đất sản

xuất và đất xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, các cụm công nghiệp.

- Bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước tương xứng để bảo đảm thực hiện các mục tiêu của chính sách an sinh nhà ở. Rà soát, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi, thủ tục hành chính về nhà ở xã hội. Tạo lập hành lang pháp lý và cơ chế khuyến khích hình thành và phát triển các quỹ cho phát triển nhà ở và bất động sản; có chính sách ưu đãi, khuyến khích đủ mạnh để thu hút nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng nhà ở, nhà cho thuê đối với người thu nhập thấp, thu nhập trung bình, cải tạo, chỉnh trang đô thị, xoá bỏ nhà tạm, khu ở phi chính thức, lụp xụp tại các đô thị. Tháo gỡ các vướng mắc về pháp lý, ban hành cơ chế, chính sách đột phá và phân cấp triệt để cho các địa phương để đẩy nhanh cải tạo, xây dựng lại các chung cư cũ, công trình hết niên hạn sử dụng, nhà ở ven kênh rạch, các khu dân cư nghèo trong đô thị.

Hai là, nâng cao chất lượng quy hoạch đô thị đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý phát triển đô thị bền vững

- Đổi mới toàn diện về phương pháp, quy trình, nội dung và sản phẩm quy hoạch theo hướng quy hoạch đô thị phải có cách tiếp cận đa ngành, bao trùm tầm nhìn dài hạn, toàn diện, có tính chiến lược, tôn trọng quy luật thị trường và nguyên tắc phát triển bền vững; bảo đảm tính tầng bậc, liên tục, thống nhất, đầy đủ, tích hợp của hệ thống quy hoạch, gắn kết chặt chẽ với quy hoạch nông thôn; phân định rõ các vùng trong nội dung quy hoạch đô thị và áp dụng các công cụ kiểm soát phát triển theo quy hoạch và kế hoạch; gắn quy hoạch đô thị với nguồn lực thực hiện. Xây dựng hệ thống dữ liệu toàn quốc về quy hoạch phát triển đô thị; ứng dụng rộng rãi hệ thống thông tin địa lý (GIS) và công nghệ số, nền tảng số trong quy hoạch và quản lý phát triển đô thị.

- Tổ chức quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị, vùng đô thị, nhất là quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khu công cộng, quy hoạch quản lý sử dụng không gian nổi, không gian ngầm và hệ thống công trình ngầm đô thị phù hợp với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch bảo đảm quốc phòng, an ninh; gắn kết chặt chẽ giữa công tác lập quy hoạch, phát triển đô thị với nhiệm vụ lập quy hoạch và quản lý, bảo vệ các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

- Bảo đảm phân loại đất đô thị gắn với quy hoạch đô thị và mục đích sử dụng đất: quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đô thị phải phù hợp với quy hoạch đô thị được phê duyệt và quy hoạch hạ tầng; kiểm soát chặt chẽ quy trình chuyển đổi đất nông thôn thành đất đô thị theo quy hoạch và chương trình phát triển đô thị.

- Tập trung ưu tiên thực hiện mục tiêu về phát triển đô thị theo quy hoạch trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương. Hoàn thiện các quy định, chế tài để xử lý nghiêm các vi phạm trong quy hoạch và các dự án đô thị chậm triển khai; gắn trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy và chính quyền các ngành, các cấp liên quan trong công tác lập và tổ chức thực hiện quy hoạch đô thị.

- Tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và người dân trong tham gia phản biện việc lập và giám sát việc thực hiện quy hoạch đô thị. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch, dễ tiếp cận thông tin trong quy hoạch đô thị.

Ba là, tập trung xây dựng, phát triển hệ thống đô thị quốc gia bền vững và đồng bộ về mạng lưới

- Xây dựng các chiến lược, quy hoạch về phát triển đô thị quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tập trung xây dựng các vùng đô thị, hành lang đô thị, dải đô thị ven biển trên cơ sở xác định rõ vai trò, chức năng của từng đô thị, nhất là các đô thị động lực của từng vùng và cả nước, đô thị kết nối khu vực và quốc tế. Xác định phát triển đô thị là hạt nhân phát triển kinh tế - xã hội cấp vùng, tăng mật độ đô thị tại các vùng trung du và miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long. Phát triển chuỗi các đô thị biển, đô thị hải đảo gắn với thực hiện Chiến lược kinh tế biển và bảo đảm quốc phòng, an ninh; quy hoạch các khu đô thị ven biển trên các địa bàn có nền móng vững chắc và cao độ ổn định, thuận tiện giao thông và cung cấp nước ngọt trong tương lai; kiểm soát và giám sát chặt chẽ việc lấn biển để phát triển đô thị. Đầu tư nâng cao khả năng chống chịu thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu của các đô thị ven biển, đồng bằng sông Cửu Long và các vùng sinh thái dễ bị tổn thương.

- Xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố trực thuộc Trung ương, các đô thị trung tâm vùng trở thành các đô thị hiện đại, thông minh, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan toả, liên kết vùng đô thị. Sử dụng các công cụ quy hoạch đô thị, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các công cụ thị trường khác để điều tiết, kiểm soát chặt chẽ sự gia tăng dân số đô thị, nhất là tại các đô thị đặc biệt. Thực hiện đồng bộ các chính sách giải nén, giảm tải cho các đô thị lớn, đưa người dân ra các đô thị xung quanh, thúc đẩy phát triển các đô thị vệ tinh, mô hình thành phố trực thuộc thành phố. Quản lý chặt chẽ việc phát triển nhà ở cao tầng tại các đô thị lớn, nhất là khu vực trung tâm. Ưu tiên phát triển các đô thị nhỏ (loại V) và vùng ven đô để hỗ trợ phát triển nông thôn thông qua các mối liên kết đô thị - nông thôn. Đầu tư phát triển các đô thị có giá trị về di sản, du lịch, đô thị gắn với những địa bàn có nhiều tiềm năng phát triển du lịch.

- Xây dựng và triển khai hiệu quả các đề án, chương trình quốc gia về phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và nâng cấp đô thị; xây dựng và phát triển các đô thị thông minh; xây dựng nông thôn mới phù hợp với định hướng đô thị hoá. Phát triển các mô hình đô thị mới phù hợp với thực tiễn, chú trọng mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD). Nghiên cứu, xây dựng tiêu chí xác định và phát triển các khu đô thị có vị trí, chức năng đặc thù nổi trội như về phát triển đại học, trung tâm sáng tạo, kinh tế cửa khẩu, công nghiệp, đảo, cảng, sân bay... và ban hành các cơ chế, chính sách phát triển riêng phù hợp.

- Rà soát và triển khai đồng bộ các chương trình cải tạo, chỉnh trang tái thiết đô thị. Tổng kết, đánh giá mô hình ban chỉ đạo thực hiện quy hoạch và đầu tư xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội, vùng Thành phố Hồ Chí Minh; nghiên cứu, xây dựng mô hình quản lý vùng đô thị phù hợp cho giai đoạn mới.

Bốn là, đẩy mạnh phát triển nhà ở, hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, liên kết, thích ứng với biến đổi khí hậu

- Bố trí nguồn lực và triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đổi mới phương thức, mô hình quản lý và phát triển nhà ở xã hội, đặc biệt là nhà ở cho người lao động tại các khu công nghiệp. Cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng, cải tạo nhà ở phù hợp với quy hoạch đô thị và quy chế quản lý kiến trúc đô thị. Quản lý và giám sát chặt chẽ việc phát triển nhà ở cao tầng tại trung tâm các đô thị lớn. Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách riêng về đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân khu công nghiệp theo hướng ưu tiên bố trí đủ quỹ đất phát triển nhà ở cho công nhân và các thiết chế khác trong khu công nghiệp, coi nhà ở công nhân là một hạ tầng thiết yếu của khu công nghiệp. Đưa các chỉ tiêu về phát triển nhà ở, trong đó có chỉ tiêu bắt buộc phát triển nhà ở xã hội vào hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm của cả nước và từng tỉnh, thành phố; các tỉnh, thành phố bảo đảm bố trí đủ quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình đầu tư phát triển hạ tầng đô thị đến năm 2030. Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế và kỹ thuật diện rộng, hạ tầng số. Khuyến khích sử dụng vật liệu xanh, xây dựng và phát triển hạ tầng xanh, công trình xanh, tiêu thụ năng lượng xanh tại đô thị. Đầu tư tăng cường năng lực hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, nhất là tại đồng bằng sông Cửu Long. Chú trọng ưu tiên quy hoạch hệ thống đường bộ, đường sắt hiện đại, phát triển hệ thống giao thông thủy phù hợp, bảo đảm thông suốt và liên kết vùng, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; đầu tư khép kín các đường vành đai, đường xuyên tâm, hệ thống giao thông công cộng đồng bộ có sức chở lớn, bến, bãi đỗ xe tại các đô thị. Tăng cường khai thác sử dụng hệ thống không gian ngầm, công trình ngầm đô thị, không gian đa chức năng của đô thị. Thực hiện ngầm hoá toàn bộ các đường dây, cáp dịch vụ công cộng tại đô thị. Triển khai đồng bộ, quyết liệt việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thúc đẩy giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị: phát huy công nghệ hiện đại trong tái chế rác thải. Xây dựng lộ trình và giải pháp khả thi hạn chế xe cá nhân, nhất là xe máy tại các đô thị lớn. Xây dựng đồng bộ về hạ tầng và ban hành các chính sách ưu đãi để khuyến khích sử dụng phương tiện giao thông thân thiện với môi trường tại đô thị.

- Xây dựng, thúc đẩy đầu tư phát triển hạ tầng số đồng bộ tại các đô thị tương đương với các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới; tích hợp hệ thống đo lường, cảm biến, các hệ thống dữ liệu, khai thác hiệu quả các nền tảng và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu tại đô thị; thúc đẩy mô hình quản lý thông minh trong vận hành, quản lý và khai thác hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị. Cấu trúc

lại hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông; hình thành một số nền tảng số dùng chung cho các đô thị, vùng đô thị.

- Nâng cấp, cải tạo, xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội hiện đại tại đô thị và mạng lưới cung cấp dịch vụ hạ tầng xã hội. Thực hiện lồng ghép các mục tiêu và định hướng phát triển hệ thống công trình dịch vụ hạ tầng xã hội và nguồn lực thực hiện vào quá trình lập và phê duyệt chương trình phát triển đô thị. Tiếp tục có chính sách khuyến khích, ưu đãi đặc biệt về thuế đối với các dự án cung cấp dịch vụ xã hội đô thị ở các khu kinh tế, các vùng công nghiệp lớn. Đổi mới mô hình tổ chức, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp dịch vụ đô thị. Đa dạng hoá các mô hình cung cấp dịch vụ hạ tầng xã hội; thực hiện tích hợp hệ thống hạ tầng xã hội với các đầu mối giao thông tiện ích tại các đô thị lớn.

Năm là, xây dựng và hoàn thiện mô hình chính quyền đô thị; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý đô thị và chất lượng cuộc sống đô thị, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh, an toàn và trật tự đô thị

- Tổng kết việc thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và các cơ chế, chính sách riêng, có tính đặc thù đối với một số địa phương để làm căn cứ sớm hoàn thiện thể chế về chính quyền đô thị. Nghiên cứu, sắp xếp, sáp nhập, thành lập mới đơn vị hành chính đô thị bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, phù hợp với quy hoạch và yêu cầu phát triển. Tiếp tục hoàn thiện chức năng quản lý nhà nước về đô thị từ Trung ương đến các cấp chính quyền địa phương; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước đầu mối về phát triển đô thị ở Trung ương và địa phương.

- Thực hiện phân cấp và trao quyền mạnh mẽ cho các địa phương trong quản lý đô thị. Nâng cao năng lực, tăng cường hiệu quả và tính chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu của chính quyền đô thị các cấp. Xây dựng nguồn nhân lực cho phát triển đô thị. Xây dựng vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành gắn với nâng cao trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức về quản lý đô thị từ Trung ương đến địa phương. Đẩy nhanh chuyển đổi số trong quản lý đô thị, xây dựng chính quyền điện tử tiến tới chính quyền số ở đô thị gắn kết chặt chẽ với phát triển đô thị thông minh. Tổng kết, hoàn thiện Luật Thủ đô và các quy định phân cấp quản lý cho Thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố trực thuộc Trung ương phù hợp với yêu cầu phân cấp, trao quyền tự chủ mạnh mẽ cho chính quyền các đô thị.

- Xây dựng văn hoá và lối sống đô thị văn minh. Hoàn thiện quy hoạch không gian văn hóa đô thị đáp ứng nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ của người dân, chú trọng tạo dựng nhiều không gian văn hóa công cộng. Rà soát tổng thể, sắp xếp lại các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tại các đô thị theo hướng thiết thực, hiệu quả, đa năng, phục vụ rộng rãi các đối tượng, phù hợp với Chiến lược phát triển văn hoá, thể thao đến năm 2030. Bố trí đủ quỹ đất và ngân sách hợp lý, ràng buộc rõ trách nhiệm của chủ đầu tư các khu đô thị đối với việc xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao cho cư dân; xã hội hoá, khuyến khích các doanh nghiệp cùng đầu tư.

- Bảo đảm quyền tự do cư trú của người dân và xoá bỏ mọi rào cản đối với dịch chuyển lao động. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế. chính sách nhằm bảo đảm cho

lao động nông thôn di cư, lao động phi chính thức được hoà nhập, tiếp cận bình đẳng nguồn lực, có cơ hội phát triển và hưởng thụ công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản tại đô thị. Mở rộng diện bao phủ của hệ thống an sinh xã hội tới lao động di cư. Rà soát, hoàn thiện chính sách về hỗ trợ học tập, dạy nghề, việc làm cho người dân bị thu hồi quyền sử dụng đất trong quá trình đô thị hoá. Thúc đẩy bình đẳng giới, có chính sách quan tâm tạo việc làm cho nữ giới tại đô thị.

- Ưu tiên nguồn lực phát triển các dịch vụ xã hội cơ bản tại đô thị, nhất là dịch vụ giáo dục, y tế và chăm sóc sức khoẻ. Tăng đầu tư, biên chế bảo đảm phát triển hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở tại đô thị đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Hoàn thiện mô hình cơ quan kiểm soát và phòng, chống dịch bệnh tại Trung ương và các địa phương bảo đảm đồng bộ với quá trình phát triển đô thị, đáp ứng yêu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ dân cư đô thị. Nâng cấp hạ tầng và hoàn thiện hệ thống quản lý tình huống khẩn cấp, tăng cường năng lực phòng, chống và giảm thiểu thiên tai, dịch bệnh tại các đô thị.

- Xây dựng và hoàn thiện các mô hình bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quản lý đô thị phù hợp với yêu cầu thực tiễn, chú trọng ứng dụng công nghệ số trong quá trình thực hiện.

- Tăng cường các biện pháp kiểm soát, cải thiện chất lượng không khí tại các đô thị, giảm thiểu nhanh ô nhiễm bụi, tiếng ồn; xây dựng đồng bộ hệ thống quan trắc, giám sát chất lượng môi trường tại các đô thị; chú trọng xử lý nước thải sinh hoạt và chất thải rắn đô thị; cải thiện căn bản tình trạng ô nhiễm môi trường và vệ sinh môi trường ở các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu nhà ở của người thu nhập thấp trong các đô thị. Có định hướng và giải pháp phát triển các vùng đệm xanh xung quanh các đô thị; phát triển các ngành sản xuất nông nghiệp xanh phục vụ đô thị.

- Tăng cường hợp tác quốc tế toàn diện trên các lĩnh vực quản lý nhà nước về xây dựng và đô thị. Khuyến khích các đô thị tăng cường hợp tác với các đô thị, các tổ chức quốc tế. Chủ động, tích cực tham gia hệ thống mạng lưới các đô thị xanh, thích ứng, bản sắc, bền vững và thông minh ở khu vực và quốc tế.

Sáu là, phát triển kinh tế khu vực đô thị; đổi mới cơ chế, chính sách tài chính và đầu tư phát triển đô thị

- Triển khai các chương trình, đề án tái thiết đô thị hiệu quả để nâng cao hiệu quả sử dụng đất cho phát triển kinh tế khu vực đô thị; khai thác hiệu quả và bền vững các công trình văn hóa, lịch sử, các không gian công cộng như vỉa hè trong phát triển kinh tế khu vực đô thị. Đẩy nhanh việc di dời có trật tự các cơ sở sản xuất chế biến, chế tạo thâm dụng lao động, trung tâm logistic đầu mối, các cơ sở gây ô nhiễm môi trường hoặc có nguy cơ gây ảnh hưởng đến an toàn cho người dân ra khỏi khu vực trung tâm các đô thị lớn; quy hoạch lại hệ thống bệnh viện, trường đại học, cao đẳng, cơ sở nghiên cứu, trung tâm logistic, trung tâm thương mại, chợ đầu mối, mạng lưới chợ dân sinh.

- Phát triển kinh tế dịch vụ, các ngành công nghiệp chế tạo tiên tiến và có tính chiến lược, phát triển kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế ban đêm, kinh tế du lịch, thể thao... tại các đô thị đặc biệt và các đô thị lớn; phát triển kinh tế gắn với chuỗi giá trị kinh tế nông nghiệp nông thôn và phát triển dịch vụ xã hội tại các đô thị nhỏ. Khuyến khích phát triển các thị tứ, thị trấn nông - công nghiệp trên cơ sở các khu dân cư nông thôn hiện có trở thành các trung tâm dịch vụ, sản xuất, chế biến, cung cấp thực phẩm, nguyên liệu, chuyển giao công nghệ... Ban hành các chính sách khuyến khích và nhân rộng các mô hình khu kinh tế, khu công nghiệp sinh thái ven biển gắn với hình thành phát triển đô thị tại các địa phương ven biển, mô hình khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ tại các đô thị. Khuyến khích các đô thị xây dựng thương hiệu gắn với thúc đẩy phát triển kinh tế của đô thị. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao tại các đô thị. Khuyến khích các đô thị hợp tác, xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo gắn với các sản phẩm chiến lược và thế mạnh của địa phương.

- Nghiên cứu, hoàn thiện chính sách thuế, phí liên quan đến bất động sản nhằm khuyến khích sử dụng nhà, đất có hiệu quả. Hoàn thiện hành lang pháp lý và mô hình tổ chức phù hợp để Nhà nước quản lý thị trường bất động sản, kiểm soát và sử dụng hiệu quả giá trị gia tăng từ đất khi hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng giao thông được đầu tư mở rộng và khai thác quỹ đất hai bên tuyến đường nhằm tạo nguồn thu cho đô thị.

- Tháo gỡ các vướng mắc về chính sách tạo động lực để huy động vốn đầu tư cho vùng Hà Nội và vùng Thành phố Hồ Chí Minh. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý tài chính, ngân sách đặc thù đối với Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh và một số đô thị lớn. Rà soát, xác định tỷ lệ nguồn thu giữ lại hợp lý hơn đối với các đô thị đặc biệt để bảo đảm phát huy vai trò của các đô thị động lực trong cả nước, có cơ chế tạo nguồn thu, phân cấp ngân sách để lại cho các đô thị có kế hoạch nâng loại đô thị. Phân quyền mạnh mẽ cho các chính quyền đô thị các khoản thu từ các loại thuế, phí. Thí điểm, tiến tới mở rộng phân cấp cho các thành phố trực thuộc Trung ương và các đô thị khác đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện được quyết định một số khoản thu đặc thù gắn với yêu cầu tăng cường trách nhiệm cung cấp dịch vụ đô thị.

4. Về tổ chức thực hiện

- Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết tới cán bộ, đảng viên; xây dựng Chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết với lộ trình và phân công cụ thể; bổ sung, cụ thể hoá các chỉ tiêu nêu trong Nghị quyết vào kế hoạch năm và theo từng giai đoạn của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị; định kỳ kiểm tra, đánh giá việc thực hiện.

- Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật để tạo thuận lợi cho quá trình đô thị hoá và phát triển đô thị bền vững theo tinh thần của Nghị quyết; tăng cường giám sát việc xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch và các chính sách phát triển đô thị; lãnh đạo ban hành

các nghị quyết thí điểm về các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội phù hợp với chủ trương, định hướng nêu tại Nghị quyết và thực tiễn, yêu cầu phát triển.

- Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện các chiến lược, quy hoạch về phát triển đô thị quốc gia, Chương trình quốc gia về xây dựng, cải tạo, chỉnh trang tái thiết đô thị và phát triển đô thị, phát triển kết cấu hạ tầng đô thị và các chiến lược, đề án, chương trình trọng điểm khác liên quan đến phát triển đô thị; xây dựng và triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính các cấp giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; phê duyệt các quy hoạch phù hợp với tinh thần của Nghị quyết; ưu tiên bố trí đủ nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ đã nêu trong Nghị quyết; khẩn trương chỉ đạo rà soát, bổ sung, hoàn thiện các văn bản dưới luật thuộc thẩm quyền có liên quan đến đô thị hoá và phát triển đô thị.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương và các cơ quan liên quan hướng dẫn việc tuyên truyền và quán triệt thực hiện Nghị quyết.

- Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, hướng dẫn kiểm tra, giám sát, đôn đốc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư./.